

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lại;
2. Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Ngọc H; sinh ngày 26/5/1980; Căn cước công dân số 072180001244 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021; Địa chỉ: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Hồng P; sinh ngày 01/01/1979; Căn cước công dân số 072079008695 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/5/2022; Địa chỉ: Số B, đường B, khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2025, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Ngọc H trình bày: Chị và anh P chung sống với nhau từ khoảng năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy

ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Tây Ninh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hơn 10 năm trở lại đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh P thường xuyên uống rượu về nhà say xỉn la mắng, đánh đập vợ con, không lo làm ăn chăm lo cho gia đình; mặc dù chị đã khuyên bảo anh P nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh P khoảng hơn 03 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 (hai) con chung tên là Trương Thị Hồng Đ, sinh ngày 28/5/2001 và Trương Thị Hồng G, sinh ngày 15/9/2005 đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn anh Trương Hồng P trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh hay đi nhậu về có la mắng chị H nên chị H giận hờn bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống. Hơn 02 năm nay anh không tìm gặp chị H vì theo anh tự chị H bỏ nhà đi phải tự tìm về nhà, ngoài ra anh nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không có chứng cứ chứng minh. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên là Trương Thị Hồng Đ, sinh ngày 28/5/2001 và Trương Thị Hồng G, sinh ngày 15/9/2005 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tòa án khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đều thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Ngọc H.

Về hôn nhân: Chị Dương Ngọc H được ly hôn với anh Trương Hồng P.

Về con chung: Chị **H** và anh **P** có 02 (hai) con chung tên là **Trương Thị Hồng Đ**, sinh ngày 28/5/2001 và **Trương Thị Hồng G**, sinh ngày 15/9/2005 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Dương Ngọc H** khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh **Trương Hồng P** cư trú tại **phường B, tỉnh Tây Ninh**. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” và Tòa án nhân dân khu vực 10 -Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **H**, anh **P** chung sống với nhau từ năm 1998, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh** (nay là **Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Tây Ninh**). Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị **H**, anh **P** đều thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do anh **P** thường xuyên uống rượu về say xỉn la mắng vợ con, không chăm lo cho gia đình; chị **H** và anh **P** đã sống ly thân với nhau khoảng 02- 03 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh **P** không đồng ý ly hôn với chị **H** nhưng anh **P** không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng; mặt khác bản thân chị **H** không chấp nhận đoàn tụ vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị **H** và anh **P** có 02 (hai) con chung tên **Trương Thị Hồng Đ**, sinh ngày 28/5/2001 và **Trương Thị Hồng G**, sinh ngày 15/9/2005 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H**, anh **P** đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **H** phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10-Tây Ninh tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Dương Ngọc H** về việc “Ly hôn” đối với anh **Trương Hồng P**.

- Về hôn nhân: Chị **Dương Ngọc H** được ly hôn với anh **Trương Hồng P**.

- Về con chung: Chị **H** và anh **P** có 02 (hai) con chung tên **Trương Thị Hồng Đ**, sinh ngày 28/5/2001 và **Trương Thị Hồng G**, sinh ngày 15/9/2005 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Dương Ngọc H** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000181 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị **H** đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- **VKSND KV10 - Tây Ninh**;
- THADS Tây Ninh;
- UBND P.Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Liên